TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
Tỉnh Bến Tre
Bản án số: **186**/2018/DS-ST
Ngày: 02-10-2018
V/v tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Miêng
2. Ông Dương Văn Hai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

Ngày 02 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 187/2018/TLST-DS ngày 08/6/2018 về tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1921/2018/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2018/QĐST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2018; Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số: 2102/2018/QĐ-CA ngày 28 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị X, sinh năm 1958. (Có mặt)
Nơi cư trú: ấp ĐT, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Nguyễn Thị P, sinh năm 1983. (Có mặt)
Nơi cư trú: Số 261/3, ấp TH, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Nguyễn Trọng H, sinh năm 1981 (Vắng mặt).
Nơi cư trú: Số 86/1, ấp GT, xã GT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 05/6/2018, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị X trình bày:

Vào ngày 15/3/2017 âm lịch bà có cho bà Nguyễn Thị P vay số tiền gốc 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng, không có lãi.

Vào ngày 03/7/2017 âm lịch bà có cho bà Nguyễn Thị P vay số tiền gốc 90.000.000 (Chín mươi triệu) đồng, không có lãi.

Vào ngày 08/7/2017 âm lịch bà có cho bà Nguyễn Thị P vay số tiền gốc 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng, không có lãi.

Đến ngày 17/3/2018 dương lịch chồng bà P là ông Nguyễn Trọng H viết tờ cam kết hứa đến ngày 17/5/2018 sẽ trả toàn bộ số tiền này cho bà nhưng đến nay vẫn không trả mặc dù bà đã nhiều lần yêu cầu.

Bà P sử dụng số tiền vay vào mục đích chung cho gia đình và ông Nguyễn Trọng H (chồng bà P) biết việc này nên bà yêu cầu ông H có nghĩa vụ liên đới cùng bà P trả cho bà số tiền này.

Tại phiên tòa bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Trọng H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền gốc là 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng, trả một lần không yêu cầu tính lãi.

Chứng cứ bà cung cấp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu của bà là 01 Bản chính tờ cam kết có chữ ký của ông Nguyễn Trọng H. Ngoài ra bà không cung cấp chứng cứ gì thêm.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà thừa nhận hiện nay bà và ông Nguyễn Trọng H còn nợ của bà Nguyễn Thị X số tiền gốc 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng, ông H có ký vào Tờ cam kết nhưng đến nay chưa trả cho bà X số tiền này. Bà thừa nhận số tiền vay đã sử dụng vào mục đích chung cho gia đình nên ông H cũng đồng ý có nghĩa vụ liên đới để trả tiền cho X.

Tại phiên tòa bà đồng ý bà và ông H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà X số tiền gốc 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng, nhưng yêu cầu được trả dần hàng tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng, trả cho đến khi hết nợ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trọng H vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo nội dung bản tự khai ngày 11/6/2018, trong quá trình tố tụng ông H trình bày:

Ông H thừa nhận hiện nay ông và bà Nguyễn Thị P còn nợ của bà Nguyễn Thị X số tiền gốc 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng, ông có ký vào Tờ cam kết nhưng đến nay chưa trả cho bà X số tiền này. Ông H thừa nhận số tiền vay đã sử dụng vào mục đích chung cho gia đình nên ông và bà P đồng ý có nghĩa vụ liên đới để trả tiền cho X, nhưng yêu cầu được trả dần hàng tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng, trả cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Nguyễn Thị X tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn bà Nguyễn Thị P theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P.

[2] Về thụ tục tố tụng: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trọng H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt theo yêu cầu của Tòa án. Do đó căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị X với bị đơn bà Nguyễn Thị P được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Qua tố tụng tại Tòa án bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Trọng H đã thừa nhận còn nợ của bà Nguyễn Thị X số tiền gốc 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng và yêu cầu xin được trả dần hàng tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng, trả cho đến khi hết nợ.

[5] Xét việc bà P, ông H yêu cầu trả dần hàng tháng số tiền nợ gốc cho bà X là không có cơ sở chấp nhận, do lúc hai bên giao kết hợp đồng vay tài sản không có thỏa thuận cách thức trả dần và tại phiên tòa hôm nay bà X không đồng ý cho bà P, ông H trả dần.

[6] Từ những phân tích trên yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 463,466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình (do bà P, ông H sử dụng tiền vay vào mục đích cho gia đình) nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Trọng H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà X số tiền là 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng. Bà X không yêu cầu trả lãi nên không xem xét.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị X được Tòa án chấp nhận nên bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Trọng H phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Số tiền án phí bà P, ông H phải liên đới nộp (200.000.000đồng x 5%) là: 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, các Điều 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X. Buộc bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Trọng H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà P, ông H phải liên đới nộp 10.000.000 (Mười triệu) đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bến Tre.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết

Nơi nhận:
- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).